

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 572/2020/DS-PT  
Ngày 28 - 10 - 2020  
V/v Tranh chấp về thừa kế và kiện đòi về  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế và kiện đòi về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2020/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Thi T Tran (Trần Thị T), sinh năm 1956. Địa chỉ: N F Dr, San, B, CA USA.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trần Văn Th, sinh năm 1935. Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Tiêu Tường Th - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1/. Ông Trần Văn Th1, sinh năm 1953. (có mặt)

2/. Bà Lâm Kim T1, sinh năm 1956. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư Phạm Văn C -

Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Trần Thị X, sinh năm 1942. (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

2/. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1935. (có mặt)

Địa chỉ: số 425 ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

3/. Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

4/. Ngân hàng N, (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Thi T Tran (Trần Thị T), đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Th trình bày:*

Cha là ông Trần Văn Ch, sinh năm 1918 (chết năm 1982), mẹ tên Phạm Thị M, sinh năm 1919 (chết năm 2010) chung sống có bốn người con: Trần Thị X, ông Trần Văn Th, Trần Văn Th1, Thi T Tran (Trần Thị T) và tạo lập được một số tài sản là nhà, đất ở, đất vườn, đất ruộng, nhà máy tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Trước khi cha ông chết không để lại di chúc cho bất kỳ ai đối với nhà đất này. Mẹ và em ông là Trần Thị X tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà và phần đất này. Sau đó, mẹ và các con đã phân chia tài sản thừa kế tài sản cho các anh chị em như sau:

- Bà Trần Thị X được hai thửa đất và năm công đất ruộng.
- Ông Trần Văn Th được hai thửa đất cất nhà.
- Ông Trần Văn Th1 được một thửa đất cất nhà, một nhà máy xay lúa và năm công đất ruộng.

Vào ngày 29/10/1999, mẹ ông là Phạm Thị M lập di chúc để lại toàn bộ căn nhà, diện tích đất và vật dụng trong nhà cho bà Thi T Tran (Trần Thị T) được thừa hưởng (tất cả các chị em trong nhà đều thống nhất ký tên). Việc lập di chúc được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang ký xác nhận.

Căn nhà và thửa đất được mẹ ông lập di chúc cho bà T có vị trí và kết cấu như sau: Thửa đất xây nhà có chiều ngang 7,5m; dài 60m. Mẹ ông xây nhà chiều ngang khoảng 06m, dài khoảng 12m. Phía trái căn nhà còn dư 0,5m; phía phải còn dư 01m. Nhà được xây bằng tường gạch, máy lợp tole, nền gạch. Sau khuôn

viên phần đất xây nhà còn lại một khoảng đất có chiều ngang 7,5m; dài 40m để trồng hoa màu. Do bà T đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên bà T có nhờ chị gái Trần Thị X về ở để trông nom, chăm sóc mẹ lúc tuổi già cũng như quản lý căn nhà và đất mẹ đã di chúc để lại cho bà T.

Đến khoảng tháng 5/2017, ông Trần Văn Th1 bắt ngờ vào nhà và yêu cầu bà Trần Thị X di dời và dọn ra khỏi nhà để trả lại nhà đất cho ông Th1.

Được biết toàn bộ thửa đất mà mẹ ông lập di chúc cho bà T hiện tại đã được ông Th1 tự ý xác lập chủ quyền, đứng tên và được Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/02/2004 với diện tích 770m<sup>2</sup> tại thửa 111, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại 421 ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra vào năm 2016, nhà nước tiến hành giải tỏa để mở rộng Quốc lộ 80 đã bồi thường tiền đất với tổng số tiền 298.880.400 đồng. Ông Trần Văn Th1 đã nhận tiền toàn bộ và không giao trả lại cho bà T.

Bà T yêu cầu công nhận tờ di chúc do mẹ bà là Phạm Thị M lập ngày 29/10/1999 là di chúc hợp pháp.

Công nhận căn nhà và quyền sử dụng đất có diện tích ngang 7,5m; dài 60m tại thửa 111, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại 421 ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của bà T.

Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang đã cấp cho hộ ông bà Trần Văn Th1 vào ngày 06/02/2004.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 trả lại cho bà T số tiền đã nhận bồi thường 298.880.400 đồng.

*Bị đơn ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 trình bày:*

Ông bà thống nhất về tên cha mẹ, năm cha mẹ chết và các anh em trong gia đình.

Còn về tài sản: Cha mẹ cho bà Trần Thị X một phần đất ngang 10m x dài 60m đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà, hiện nay vợ chồng ông bà đã cất nhà kiên cố. Việc chuyển nhượng có làm thủ tục theo quy định của pháp luật và vợ chồng ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cha mẹ cho vợ chồng ông một phần đất ngang 07m x dài 60m, sau đó ông Trần Văn Th chiếm đất chiều ngang 03m x dài 60m; hiện nay còn phần đất ngang 04m x dài 60m, vợ chồng ông cho người con thứ hai tên Trần Văn Thái cất nhà ở và đang kinh doanh gạo.

Cha mẹ cho ông Trần Văn Th ngang khoảng 10m (chiếm của vợ chồng ông 03m), nên tổng cộng khoảng 13m x dài 60m, hiện nay đã cất nhà ở trên đất.

Còn phần đất có chiều ngang 7,5m x dài 60m và căn nhà có diện tích theo đo đạc cụ thể của Tòa án tọa lạc tại số 421 ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên

Giang, bà T hiện nay đang tranh chấp là do mẹ tên Phạm Thị M tặng cho ông Trần Văn Th1 vào năm 2003. Khi mẹ tặng cho ông có làm hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật và ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông bà Trần Văn Th1 ngày 06/02/2004.

Vợ chồng ông không biết về Tờ di chúc của bà Trần Thị T cung cấp, ông bà không đồng ý với nội dung Tờ di chúc lập ngày 29/10/1999, được xác nhận ở ấp và xã ngày 08/11/1999, khi đó mẹ ông là bà M vẫn còn sống, nên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật. Sau khi các anh em tranh giành về căn nhà và đất, nên mẹ ông mới làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng cho ông Th1 và để cho ông Th1 quản lý căn nhà này làm nơi thờ cúng ông bà.

Ông bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Nay bà T khởi kiện vợ chồng ông Th1, bà T1 để yêu cầu công nhận Tờ di chúc do bà Phạm Thị M lập ngày 29/10/1999, công nhận căn nhà do mẹ bà để lại cho bà T, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc vợ chồng ông Th1 trả lại tiền Nhà nước đã bồi thường đất cho bà T, bà đề nghị Tòa án chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang trình bày:*

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông bà Trần Văn Th1 căn cứ trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị M với vợ chồng ông Th1. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Ch không thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Th1. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ căn cứ vào bản án để thi hành.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (N) - Chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang trình bày:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa N chi nhánh R Kiên Giang - Phòng giao dịch cụm Mong Thọ với khách hàng Trần Văn Th1 và người đồng sở hữu bà Lâm Kim T1 vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 01/12/2017, hạn trả 30/11/2018. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất diện tích 735,7m<sup>2</sup> (diện tích ban đầu 770m<sup>2</sup>, nhưng đã bị thu hồi một phần nằm trong hành lang lộ giới, diện tích còn lại 735,7m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 111; 111a. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W514626, sổ vào sổ cấp giấy số 007520 QSDĐ/395/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp ngày 06/02/2004.

Vào ngày 20/11/2018, ông Trần Văn Th1 đã tắt toán, hoàn thành nghĩa vụ trả nợ tại N chi nhánh R. Ngân hàng đã trả tài sản thế chấp nêu trên cho ông Th1 theo đúng quy định, quy trình của Ngân hàng. Hiện nay ông Trần Văn Th1 không còn sử dụng tài sản nói trên để thế chấp vay vốn tại N chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang.

Do đó, N chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang không còn là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ tranh chấp tài sản nói trên nữa. Nay N chi nhánh R, tỉnh Kiên Giang xin miễn tham gia theo dõi vụ tranh chấp tài sản nói trên.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điều 91, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, khoản 1 Điều 667, Điều 688 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thi T Tran (Trần Thị T).

2/. Công nhận di chúc của bà Phạm Thị M lập ngày 29/10/1999 có xác nhận của Trưởng ấp P và Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang ngày 08/11/1999 là hợp pháp.

3/. Công nhận và buộc ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 phải giao trả căn nhà và đất cho bà Thi T Tran (Trần Thị T). Cụ thể như sau:

Diện tích đất 407,9m<sup>2</sup> gồm các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1. Trong đó, cạnh 1-2 = 14,17m; cạnh 2-3 = 0,44m; cạnh 3-4 = 6,38m; cạnh 4-5 = 33,18m; cạnh 5-6 = 7,5m; cạnh 6-7 = 33,18m; cạnh 7-8 = 6,65m; cạnh 8-9 = 0,17m; cạnh 9-10 = 16,04m; cạnh 10-11 = 2,66m; cạnh 11-1 = 5,16m.

Trên đất có một căn nhà cấp 4 chiều ngang 6,4m, chiều dài 13,8m (Nhà chính ngang 6,4m, dài 11m; nhà bếp ngang 6,4m x 2,8m); mái che phía sau ngang 3,9m; dài 4,2m.

Bà Thi T Tran (Trần Thị T) được quyền sử dụng một phần chuồng gà của ông Trần Văn Th1 cất ngang 1,9m; dài 15,6m; nền móng ngang trước 1,75m, cao 1,2m; ngang sau 2,44m; dài 23m, căn nhà tạm đã hư hỏng ở phía sau và các cây trồng trên đất.

Tất cả số liệu theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2018 của Tòa án và Trích đo địa chính số TĐ 73-2018 (Tách 24-27) ngày 22/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Bà Thi T Tran (Trần Thị T) có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tạm giao cho bà Trần Thị X quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất, công trình xây dựng và cây cối trên đất nói trên.

4/. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1

không yêu cầu bà Thi T Tran (Trần Thị T) phải trả lại giá trị theo kết quả định giá gồm móng nhà 13.507.452 đồng, một phần chuồng gà 4.821.159 đồng, cây trồng 3.300.000 đồng. Tổng cộng 21.628.611 đồng (làm tròn 21.629.000 đồng)

5/. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 trả lại cho bà Thi Ty Tran (Trần Thị T) số tiền đã nhận bồi thường 298.880.400đ (*Hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*).

6/. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 514626 do Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ ông (bà) Trần Văn Th1 ngày 06/02/2004, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 007520 QSDĐ/395/1997 tại thửa 111, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư nông thôn; thửa 111a diện tích 370m<sup>2</sup>; tờ bản đồ số 27. Đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/9/2019, bị đơn ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Phạm Văn C bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà T có xuất trình được tờ di chúc của bà M năm 1999 được xã xác nhận nhưng theo quy định pháp luật di chúc chỉ có giá trị khi người lập di chúc đã chết. Khi di chúc chưa có hiệu lực thì người lập di chúc vẫn được quyền định đoạt tài sản. Năm 2004, bà M tặng cho ông Th1 và bà T1 tài sản này, được xã xác nhận, có người làm chứng chứng kiến và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Ch đã có văn bản xác định việc cấp giấy chứng nhận cho ông Th1 là đúng quy định. Do đó, di chúc lập năm 1999 đã không có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn có ông Trần Văn Th đại diện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th1, bà T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Tiêu Tường Th bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, vì xét về nguồn gốc đất thì các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc do bà M để lại, bà M di chúc cho bà T, ông Th1 thừa nhận bà M có lập di chúc này, ông Th1 cho rằng được bà M cho đất nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, cấp sơ thẩm cũng đã nhiều lần yêu cầu Ủy ban huyện Ch và ông Th1 cung cấp hồ sơ thể hiện việc tặng cho này. Thực tế, khi còn sống bà M đã cho đất cho các con, riêng bà T là chưa được cho, nên việc giao bà T diện tích đất này theo nội dung di chúc là hoàn toàn phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận tài sản tranh chấp là của bà M, bà M lập di chúc để lại tài sản này cho bà T. Ông Th1 cho rằng được bà M tặng cho nhà đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Thi T Tran (Trần Thị T) khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 trả lại diện tích đất ngang 7,5m, dài 60m (theo đo đạc thực tế là 407,9m<sup>2</sup>) tại thửa 111, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại 421 ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang, số tiền bồi thường 298.880.400 đồng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Th1 đối với diện tích đất nêu trên.

Bị đơn ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên bà Phạm Thị M đã tặng cho vợ chồng ông; việc UBND huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông là hợp pháp.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ các đương sự ông Trần Văn Ch, bà Phạm Thị M tạo lập.

Ngày 29/10/1999, bà Phạm Thị M lập di chúc để lại nhà đất tranh chấp cho bà Trần Thị T, được các anh chị em trong gia đình cùng ký tên đồng ý, có xác nhận của Trưởng ấp P và UBND xã M. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018, ông Th1 cũng thừa nhận có ký tên xác nhận vào tờ di chúc trên. Các

anh chị em khác của ông Th1, bà T là ông Trần Văn Th, bà Trần Thị X cũng thống nhất xác định bà M đã lập di chúc để lại phần tài sản trên cho bà T.

Ông Th1, bà T1 cho rằng năm 2003 bà M đã thay đổi ý chí, lập hợp đồng tặng cho ông Th1, bà T1 quyền sử dụng đất nêu trên nên di chúc ngày 29/10/1999 của bà Phạm Thị M không còn giá trị. Tuy nhiên, ông Th1, bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà Phạm Thị M tặng cho quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 39/CV-CNVPHĐK ngày 03/5/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch xác định không cung cấp được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th1 do hồ sơ bị thất lạc. Tại Công văn số 23/UBND-TNMT ngày 25/01/2019, UBND huyện Ch cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th1 trên cơ sở hợp đồng tặng cho của bà Phạm Thị M và ông Trần Văn Th1 là hợp pháp nhưng cũng không cung cấp được hồ sơ cấp giấy để chứng minh.

Thực tế, phần diện tích đất tranh chấp ông Th1, bà T1 không trực tiếp sử dụng. Bà Trần Thị X là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà từ trước đến thời điểm xảy ra tranh chấp. Điều này phù hợp với lời khai của bà T, ông Th, bà X cho rằng nhà đất là tài sản bà T được bà M để lại di chúc, bà T sinh sống ở nước ngoài nên tạm giao cho bà X quản lý, sử dụng căn nhà trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th1, bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, khoản 1 Điều 667, Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:



1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thi T Tran (Trần Thị T).

2/. Công nhận di chúc của bà Phạm Thị M lập ngày 29/10/1999 có xác nhận của Trưởng ấp P và Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang ngày 08/11/1999 là hợp pháp.

3/. Công nhận và buộc ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 phải giao trả căn nhà và đất cho bà Thi T Tran (Trần Thị T). Cụ thể như sau:

Diện tích đất 407,9m<sup>2</sup> gồm các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1. Trong đó, cạnh 1-2 = 14,17m; cạnh 2-3 = 0,44m; cạnh 3-4 = 6,38m; cạnh 4-5 = 33,18m; cạnh 5-6 = 7,5m; cạnh 6-7 = 33,18m; cạnh 7-8 = 6,65m; cạnh 8-9 = 0,17m; cạnh 9-10 = 16,04m; cạnh 10-11 = 2,66m; cạnh 11-1 = 5,16m.

Trên đất có một căn nhà cấp 4 chiều ngang 6,4m, chiều dài 13,8m (Nhà chính ngang 6,4m, dài 11m; nhà bếp ngang 6,4m x 2,8m); mái che phía sau ngang 3,9m; dài 4,2m.

Bà Thi T Tran (Trần Thị T) được quyền sử dụng một phần chuồng gà của ông Trần Văn Th1 cất ngang 1,9m; dài 15,6m; nền móng ngang trước 1,75m, cao 1,2m; ngang sau 2,44m; dài 23m, căn nhà tạm đã hư hỏng ở phía sau và các cây trồng trên đất.

Tất cả số liệu theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2018 của Tòa án và Trích đo địa chính số TĐ 73-2018 (Tách 24-27) ngày 22/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Bà Thi T Tran (Trần Thị T) có quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tạm giao cho bà Trần Thị X quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất, công trình xây dựng và cây cối trên đất nói trên.

4/. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 không yêu cầu bà Thi T Tran (Trần Thị T) phải trả lại giá trị theo kết quả định giá gồm móng nhà 13.507.452 đồng, một phần chuồng gà 4.821.159 đồng, cây trồng 3.300.000 đồng. Tổng cộng 21.628.611 đồng (làm tròn 21.629.000 đồng).

5/. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Lâm Kim T1 trả lại cho bà Thi Ty Tran (Trần Thị T) số tiền đã nhận bồi thường 298.880.400đ (*Hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*).

6/. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 514626 do Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ ông (bà) Trần Văn Th1 ngày 06/02/2004, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 007520 QSDĐ/395/1997 tại thửa 111, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư nông thôn; thửa 111a diện tích 370m<sup>2</sup>; tờ bản đồ số 27. Đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

7/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

8/. Ông Trần Văn Th1, bà Lâm Kim T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

9/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **CÁC THẨM PHÁN**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Tô Ngọc**

**Mai Thị Tú Oanh**

**Hoàng Thanh Dũng**